TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HS-ST
Ngày 24 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bẩy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Đình Công.

Bà Lương Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trường Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2023/TLST - HS ngày 14 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/HSST-QĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số 260/2023/TB-TA ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo:

1. Nông Văn L, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1985, tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi thường trú: Làng K, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai; Nơi ở hiện tại: Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 04/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn S và bà La Thị X; có vợ là Ma Thị L1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 20/02/2023 đến ngày 30/6/2023 thì điều chuyển đến giam giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay, có mặt.

2. Hoàng Văn T, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1989, tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa 05/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L2 và bà Lô Thị X1; có vợ là Triệu Thị V, con có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân

thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 28/4/2023 đến ngày 30/6/2023 thì điều chuyển đến giam giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay, có mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1997, vắng mặt;

2. Anh Đinh Mạnh T1, sinh năm 1992, vắng mặt;

3. Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1990, vắng mặt;

4. Anh Ngô Văn C, sinh năm 1982, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 20/02/2023, Công an huyện T phát hiện bắt quả tang Nông Văn L đang cất giấu tại túi quần bên phải 01 gói giấy bạc màu vàng, bên trong có 05 gói giấy bạc chứa chất bột màu trắng và 01 túi nilon màu xanh trong suốt, bên trong có 01 gói giấy trắng kẻ ô ly chứa cục chất bột màu trắng (nghi là ma túy Heroin). L khai nhận tất cả các gói chất bột màu trắng trên đều là ma túy Heroin mua về để sử dụng và bán kiếm lời. Ngoài ra, L còn khai nhận được mua ma túy với Hoàng Văn T.

Hoàng Văn T khai nhận: Do bản thân nghiện chất ma túy nên đã nhiều lần mua ma túy với Hoàng Văn K đem về sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời. Hoàng Văn K khai nhận được nhận tiền đi mua hộ ma túy cho T 03 lần để T sử dụng. Ngoài ra, K còn được bán ma túy cho Bế Văn C1.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Nông Văn L khai nhận: Do bản thân nghiện chất ma túy nên L đã 02 lần đi xe khách từ thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn xuống ngã ba P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn mua ma túy đem về sử dụng và bán kiếm lời, cụ thể: Lần 1: Khoảng sau Tết Nguyên đán năm 2023, L đến ngã ba P rẽ vào T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn gặp người đàn ông làm nghề xe ôm (không biết tên tuổi, địa chỉ) đang đứng cạnh đường hỏi biết chỗ bán ma túy không, mua giúp L thì người này đồng ý. L đưa cho người đàn ông 500.000 đồng, một lúc sau người đàn ông quay lại đưa cho L 01 gói ma túy Heroin dạng cục được gói bằng giấy trắng. Về nhà, L xẻ ma túy ra một ít tự sử dụng và bán lại cho những người sau: Bán cho Ngô Văn C 02 lần vào khoảng sau Tết Nguyên đán, mỗi lần bán cách nhau 02 ngày, mỗi lần bán 01 gói với giá 200.000 đồng tại quán bi a đầu cầu T, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 19 giờ ngày 10/02/2023, Đinh Mạnh T1 gọi điện thoại rủ Đinh Văn Đ góp tiền mua ma túy về sử dụng. Sau đó T1 gọi điện thoại cho L hỏi mua ma túy thì L hẹn ra khu vực cầu T, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn để giao dịch. Tại đây, L bán cho T1 và Đ 01 gói ma túy giá 200.000 đồng. Lần 2: Khoảng 13 giờ ngày 20/02/2023, L tiếp tục đi mua 01 cục ma túy giá 1.000.000 đồng với người đàn ông lạ mặt làm

nghề xe ôm. Khi đang trên đường về đến cầu B thuộc thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Hoàng Văn T khai nhận do bản thân nghiện chất ma túy nên đã nhiều lần mua ma túy với Hoàng Văn K đem về sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời nhưng do đã lâu nên chỉ nhớ 03 lần gần nhất, cụ thể: Lần 1: Khoảng 06 giờ ngày 23/01/2023, T ra ngoài thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn mua với K 02 gói ma túy giá 400.000 đồng đem về tự sử dụng hết 01 gói. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, tại khu vực cầu T, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, T bán cho Nông Văn L 01 gói ma túy Heroin với giá 200.000 đồng, L đã sử dụng hết. Lần 2: Khoảng 13 giờ ngày 14/02/2023, Đinh Đức T2 gọi điện thoại cho T hỏi mua ma túy nhưng T nói không có và bảo để T đi mua hộ. Tuy nhiên lúc này T đang có sẵn ma túy mua với Hoàng Văn K vào lúc sáng. Sau đó, T hẹn T2 ra khu vực thôn N, xã Đ, huyện T để giao dịch. Tại đây, T đã bán cho Đinh Đức T2 01 gói ma túy giá 300.000 đồng. Lần 3: Khoảng 07 giờ ngày 19/02/2023, T đến thị trấn T mua với K 02 gói ma túy giá 400.000 đồng đem về tự sử dụng hết 01 gói. Đến 17 giờ cùng ngày, bán cho Đinh Mạnh T1 01 gói ma túy giá 200.000 đồng tại cạnh đường thuộc thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn

Tại Cơ quan điều tra, K khai nhận: Do bản thân nghiện chất ma túy nên từ tháng 10/2022 đến tháng 02/2023, K đã 03 lần nhận tiền với Hoàng Văn T để mua ma túy với người đàn ông lạ mặt ở thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn đem về cho T sử dụng, cụ thể: Lần 1: Khoảng 06 giờ ngày 23/01/2023, T đưa cho K 400.000 đồng, K đến cổng làng thôn T, xã H mua với người đàn ông lạ mặt 02 gói ma túy giá 200.000 đồng đem về cho T. Lần 2: Khoảng 06 giờ ngày 14/02/2023, T đưa cho K 300.000 đồng, sau đó K lại đến cổng làng thôn T, xã H mua 01 gói ma túy giá 300.000 đồng đem về cho T. Lần 3: Khoảng 07 giờ ngày 19/02/2023, T đưa cho K 400.000 đồng, sau đó K mua với người đàn ông lạ mặt 02 gói ma túy giá 400.000 đồng đem về cho T.

Tại bản Kết luận giám định số 291/KL-KTHS ngày 22/02/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: Chất bột màu trắng có trong 05 gói giấy bạc màu trắng đều là chất ma túy Heroin có tổng khối lượng là 0,189 gam (đã trừ bì); Chất cục bột màu trắng có trong 01 gói giấy màu trắng có dòng kẻ là chất ma túy Heroin, có khối lượng 0,817 gam (đã trừ bì).

Tại bản Kết luận giám định số 298/KL-KTHS ngày 23/02/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: Toàn bộ số tiền 560.000 đồng tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSTĐ ngày 13/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nông Văn L phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và Hoàng Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng truy tố; công bố lời khai của những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận những lời khai của người làm chứng là đúng.

Tại phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nông Văn L và Hoàng Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; đề nghị áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 251, Điều 38, 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn L, xử phạt bị cáo Nông Văn L từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38, 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 7 năm đến 7 năm 06 tháng tù; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo; về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy số ma túy đã bị thu giữ, vật chứng không có giá trị sử dụng, tịch thu tài sản dùng vào việc phạm tội, trả cho bị cáo L số tiền không dùng vào việc phạm tội và không có nguồn gốc từ phạm tội mà có nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án; ngoài ra, cần áp dụng biện pháp tư pháp tịch thu số tiền các bị cáo phạm tội mà có và chịu án phí theo quy định.

Phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin được mức án nhẹ để sớm được trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên huyện T trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người làm chứng đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử.

[3] Về hành vi cấu thành tội phạm: Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với lời khai của Hoàng Văn K và phù hợp với biên bản thu giữ đồ vật, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở khẳng định, các bị cáo Nông Văn L, Hoàng Văn T mỗi bị cáo đã có hành vi mua bán trái phép ma túy Heroine 03 lần cho các đối tượng nghiện, trong đó bị cáo Nông Văn L có một lần bán cho 2 người cùng một thời điểm. Tội phạm và hình

phạt được quy định tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa, ý kiến của các bị cáo và để có mức án phù hợp với hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức và thực hiện hành vi rất nghiêm trọng với lỗi cố ý, xâm phạm chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước, là nguyên nhân gián tiếp gây ra tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, do đó phải bị tuyên là có tội và chịu hình phạt. Ngoài ra, để phân hóa và cá thể hóa hình phạt, Hội đồng xét xử đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết về nhân thân, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

[5] Các bị cáo Nông Văn L, Hoàng Văn T phạm tội độc lập và không có đồng phạm, các bị cáo tự bỏ tiền ra mua ma túy và trực tiếp đi mua về sử dụng và bán lại kiếm lời, trong đó bị cáo L được mua ma túy với Hoàng Văn T một lần về sử dụng, sau đó tự đi mua ma túy nơi khác về để sử dụng và bán lại kiếm lời, như vậy hành vi của các bị cáo là độc lập. Trong đó, bị cáo L có một lần bán cho 2 người cùng một thời điểm. Về nhân thân, trong vụ án này ngoài các bị cáo đều là người nghiện ma túy, không có tiền án, tiền sự; về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, ngoài tình tiết định khung, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào khác; về tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nông Văn L có mẹ là La Thị X được Nhà nước tặng thưởng Huy chương vì sự nghiệp giáo dục nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mới đủ tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Qua kết quả xác minh các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, bản thân nghiện ma túy, vì vậy Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Đối với số tiền 560.000 đồng thu giữ của Nông Văn L, qua điều tra và tại phiên tòa không xác định được số tiền này do mua bán trái phép chất ma túy mà có, do vậy cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án. Ngoài ra, cần tịch thu số tiền đối với các bị cáo phạm tội mà có.

[8] Về xử lý vật chứng, áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, vật chứng không có giá trị sử dụng; đối với tài sản có giá trị dùng vào việc phạm tội cần tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Đối với những người được mua ma túy với Nông Văn L, Hoàng Văn T và Hoàng Văn K đem về sử dụng. Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo là đúng quy định.

[10] Đối với Đinh Đức T2 là người đã mua ma túy với Hoàng Văn T, qua xác minh hiện tại Đinh Đức T2 không có mặt ở địa phương nên Cơ quan điều tra không tiến hành triệu tập lấy lời khai được nên sẽ xem xét xử lý sau.

[11] Đối với người đàn ông lạ mặt làm nghề xe ôm bán ma túy cho Nông Văn L tại ngã ba P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Xét thấy không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[12] Đối với Hoàng Văn K, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định khởi tố bị can số 49/QĐ-CQCSĐT ngày 13/4/2023 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, K đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã nhiều lần tiến hành xác minh, truy bắt nhưng không có kết quả. Đến ngày 15/6/2023, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã Hoàng Văn K, đồng thời ra Quyết định tách vụ án số 01/QĐ- CQCSĐT để xử lý riêng đối với Hoàng Văn K.

[13] Các bị cáo là người bị kết án thì phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn L;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Văn L và Hoàng Văn T phạm tội " Mua bán trái phép chất ma túy"

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nông Văn L 7 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/02/2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 07 (bẩy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/4/2023.

2.3. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1.Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ma túy bên trong có 02 gói giấy đựng tổng cộng 0,883 gam ma túy còn lại sau giám định và các vỏ bao gói cũ; 01 bật lửa ga Thống Nhất màu đỏ.

3.2. Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI 350391254489304, lắp 02 sim số thuê bao di động 0983893913 và 0397789440 của Nông Văn L đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu xanh, số IMEI 863601044474832 lắp 02 sim thuê bao số 0845414366 và 0977463532 của Hoàng Văn T đã qua sử dụng.

3.3. Trả cho bị cáo Nông Văn L số tiền 560.000 đồng nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án (số tiền nằm trong phong bì niêm phong theo quy định).

4. Áp dụng biện pháp tư pháp: Tịch thu (truy thu) số tiền 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn*) từ bị cáo Nông Văn L; tịch thu (truy thu) số tiền 700.000 (*bảy trăm nghìn*) đồng từ bị cáo Hoàng Văn T.

(*Vật chứng được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Công an huyện T*).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Nông Văn L, Hoàng Văn T mỗi người phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Nông Văn L, Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- Công an huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bẩy